Mô hình Use case Quản lý khách sạn

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

19120479 - Trần Quốc Đông

19120564 - Trần Tấn Lộc

19120595 - Nguyễn Hoàng Nam

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 04/05/2022 | 1.0 | Cập nhật Use case | Cả nhóm |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 5](#_Toc102593516)

[2. Danh sách các Actor 5](#_Toc102593517)

[3. Danh sách các Use-case 6](#_Toc102593518)

[4. Đặc tả Use-case 7](#_Toc102593519)

[4.1 Đặc tả Use-case lập phiếu thuê phòng 7](#_Toc102593520)

[4.1.1 Tóm tắt 7](#_Toc102593521)

[4.1.2 Dòng sự kiện 7](#_Toc102593522)

[4.1.2.1 Dòng sự kiện chính 7](#_Toc102593523)

[4.1.2.2 Các dòng sự kiện khác 7](#_Toc102593524)

[4.1.3 Các yêu cầu đặc biệt 7](#_Toc102593525)

[4.1.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 7](#_Toc102593526)

[4.1.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 7](#_Toc102593527)

[4.1.6 Điểm mở rộng 7](#_Toc102593528)

[4.2 Đặc tả Use-case lập hóa đơn 7](#_Toc102593529)

[4.2.1 Tóm tắt 7](#_Toc102593530)

[4.2.2 Dòng sự kiện 7](#_Toc102593531)

[4.2.2.1 Dòng sự kiện chính 7](#_Toc102593532)

[4.2.2.2 Các dòng sự kiện khác 8](#_Toc102593533)

[4.2.3 Các yêu cầu đặc biệt 8](#_Toc102593534)

[4.2.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 8](#_Toc102593535)

[4.2.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 8](#_Toc102593536)

[4.2.6 Điểm mở rộng 8](#_Toc102593537)

[4.3 Đặc tả Use-case lập hóa đơn bồi thường hư hỏng thiết bị 8](#_Toc102593538)

[4.3.1 Tóm tắt 8](#_Toc102593539)

[4.3.2 Dòng sự kiện 8](#_Toc102593540)

[4.3.2.1 Dòng sự kiện chính 8](#_Toc102593541)

[4.3.2.2 Các dòng sự kiện khác 8](#_Toc102593542)

[4.3.3 Các yêu cầu đặc biệt 8](#_Toc102593543)

[4.3.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 8](#_Toc102593544)

[4.3.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 8](#_Toc102593545)

[4.3.6 Điểm mở rộng 9](#_Toc102593546)

[4.4 Đặc tả Use-case lập phiếu đánh giá dịch vụ từ khách hàng 9](#_Toc102593547)

[4.4.1 Tóm tắt 9](#_Toc102593548)

[4.4.2 Dòng sự kiện 9](#_Toc102593549)

[4.4.2.1 Dòng sự kiện chính 9](#_Toc102593550)

[4.4.2.2 Các dòng sự kiện khác 9](#_Toc102593551)

[4.4.3 Các yêu cầu đặc biệt 9](#_Toc102593552)

[4.4.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 9](#_Toc102593553)

[4.4.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 9](#_Toc102593554)

[4.4.6 Điểm mở rộng 9](#_Toc102593555)

[4.5 Đặc tả Use-case tra cứu phòng 9](#_Toc102593556)

[4.5.1 Tóm tắt 9](#_Toc102593557)

[4.5.2 Dòng sự kiện 9](#_Toc102593558)

[4.5.2.1 Dòng sự kiện chính 9](#_Toc102593559)

[4.5.2.2 Các dòng sự kiện khác 10](#_Toc102593560)

[4.5.3 Các yêu cầu đặc biệt 10](#_Toc102593561)

[4.5.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 10](#_Toc102593562)

[4.5.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 10](#_Toc102593563)

[4.5.6 Điểm mở rộng 10](#_Toc102593564)

[4.6 Đặc tả Use-case tra cứu dịch vụ 10](#_Toc102593565)

[4.6.1 Tóm tắt 10](#_Toc102593566)

[4.6.2 Dòng sự kiện 10](#_Toc102593567)

[4.6.2.1 Dòng sự kiện chính 10](#_Toc102593568)

[4.6.2.2 Các dòng sự kiện khác 10](#_Toc102593569)

[4.6.3 Các yêu cầu đặc biệt 10](#_Toc102593570)

[4.6.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 10](#_Toc102593571)

[4.6.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 10](#_Toc102593572)

[4.6.6 Điểm mở rộng 10](#_Toc102593573)

[4.7 Đặc tả Use-case lập phiếu sử dụng dịch vụ 11](#_Toc102593574)

[4.7.1 Tóm tắt 11](#_Toc102593575)

[4.7.2 Dòng sự kiện 11](#_Toc102593576)

[4.7.2.1 Dòng sự kiện chính 11](#_Toc102593577)

[4.7.2.2 Các dòng sự kiện khác 11](#_Toc102593578)

[4.7.3 Các yêu cầu đặc biệt 11](#_Toc102593579)

[4.7.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 11](#_Toc102593580)

[4.7.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 11](#_Toc102593581)

[4.7.6 Điểm mở rộng 11](#_Toc102593582)

[4.8 Đặc tả Use-case đăng nhập 11](#_Toc102593583)

[4.8.1 Tóm tắt 11](#_Toc102593584)

[4.8.2 Dòng sự kiện 11](#_Toc102593585)

[4.8.2.1 Dòng sự kiện chính 11](#_Toc102593586)

[4.8.2.2 Các dòng sự kiện khác 12](#_Toc102593587)

[4.8.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc102593588)

[4.8.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 12](#_Toc102593589)

[4.8.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 12](#_Toc102593590)

[4.8.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc102593591)

[4.9 Đặc tả Use-case lâp danh sách phòng 12](#_Toc102593592)

[4.9.1 Tóm tắt 12](#_Toc102593593)

[4.9.2 Dòng sự kiện 12](#_Toc102593594)

[4.9.2.1 Dòng sự kiện chính 12](#_Toc102593595)

[4.9.2.2 Các dòng sự kiện khác 12](#_Toc102593596)

[4.9.3 Các yêu cầu đặc biệt 12](#_Toc102593597)

[4.9.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 12](#_Toc102593598)

[4.9.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 12](#_Toc102593599)

[4.9.6 Điểm mở rộng 12](#_Toc102593600)

[4.10 Đặc tả Use-case chỉnh sửa danh sách dịch vụ 13](#_Toc102593601)

[4.10.1 Tóm tắt 13](#_Toc102593602)

[4.10.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc102593603)

[4.10.2.1 Dòng sự kiện chính 13](#_Toc102593604)

[4.10.2.2 Các dòng sự kiện khác 13](#_Toc102593605)

[4.10.3 Các yêu cầu đặc biệt 13](#_Toc102593606)

[4.10.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 13](#_Toc102593607)

[4.10.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 13](#_Toc102593608)

[4.10.6 Điểm mở rộng 13](#_Toc102593609)

[4.11 Đặc tả Use-case chỉnh sửa danh mục phòng 13](#_Toc102593610)

[4.11.1 Tóm tắt 13](#_Toc102593611)

[4.11.2 Dòng sự kiện 13](#_Toc102593612)

[4.11.2.1 Dòng sự kiện chính 13](#_Toc102593613)

[4.11.2.2 Các dòng sự kiện khác 13](#_Toc102593614)

[4.11.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc102593615)

[4.11.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 14](#_Toc102593616)

[4.11.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 14](#_Toc102593617)

[4.11.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc102593618)

[4.12 Đặc tả Use-case chỉnh sửa quy định 14](#_Toc102593619)

[4.12.1 Tóm tắt 14](#_Toc102593620)

[4.12.2 Dòng sự kiện 14](#_Toc102593621)

[4.12.2.1 Dòng sự kiện chính 14](#_Toc102593622)

[4.12.2.2 Các dòng sự kiện khác 14](#_Toc102593623)

[4.12.3 Các yêu cầu đặc biệt 14](#_Toc102593624)

[4.12.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 14](#_Toc102593625)

[4.12.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 14](#_Toc102593626)

[4.12.6 Điểm mở rộng 14](#_Toc102593627)

[4.13 Đặc tả Use-case lập báo cáo tháng 14](#_Toc102593628)

[4.13.1 Tóm tắt 14](#_Toc102593629)

[4.13.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc102593630)

[4.13.2.1 Dòng sự kiện chính 15](#_Toc102593631)

[4.13.2.2 Các dòng sự kiện khác 15](#_Toc102593632)

[4.13.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc102593633)

[4.13.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 15](#_Toc102593634)

[4.13.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 15](#_Toc102593635)

[4.13.6 Điểm mở rộng 15](#_Toc102593636)

[4.14 Đặc tả Use-case mở tài khoản cho nhân viên 15](#_Toc102593637)

[4.14.1 Tóm tắt 15](#_Toc102593638)

[4.14.2 Dòng sự kiện 15](#_Toc102593639)

[4.14.2.1 Dòng sự kiện chính 15](#_Toc102593640)

[4.14.2.2 Các dòng sự kiện khác 15](#_Toc102593641)

[4.14.3 Các yêu cầu đặc biệt 15](#_Toc102593642)

[4.14.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 15](#_Toc102593643)

[4.14.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 16](#_Toc102593644)

[4.14.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc102593645)

[4.15 Đặc tả Use-case khóa tài khoản cho nhân viên 16](#_Toc102593646)

[4.15.1 Tóm tắt 16](#_Toc102593647)

[4.15.2 Dòng sự kiện 16](#_Toc102593648)

[4.15.2.1 Dòng sự kiện chính 16](#_Toc102593649)

[4.15.2.2 Các dòng sự kiện khác 16](#_Toc102593650)

[4.15.3 Các yêu cầu đặc biệt 16](#_Toc102593651)

[4.15.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case 16](#_Toc102593652)

[4.15.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case 16](#_Toc102593653)

[4.15.6 Điểm mở rộng 16](#_Toc102593654)

# Sơ đồ Use-case

Diagram

Description automatically generated

# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
|  | Nhân viên | Sử dụng phần mềm để quản lý các quy trình nghiệp vụ của khách sạn. Nhân viên ở đây chỉ bao gồm các nhân viên trao đổi với khách như nhân viên quầy lễ tân, quầy dịch vụ, … |
|  | Admin quản lý hệ thống | Admin là người quản lý phần mềm. Admin sẽ có các chức năng riêng bao gồm điều chỉnh các quy định, giá phòng, … |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Lập phiếu thuê phòng | Lập phiếu thuê phòng cho khách. Thông tin phiếu thuê bao gồm họ tên, loại, cmnd và địa chỉ |
| 2 | Lập hóa đơn thanh toán | Lập hóa đơn thanh toán cho khách. Thông tin hóa đơn thanh toán gồm phòng, số ngày thuê, đơn giá và tổng tiền |
| 3 | Lập hóa đơn bồi thường hư hỏng thiết bị | Nếu trong quá trình thuê phòng, khách làm hư hỏng các thiết bị trong phòng, nhân viên có thể lập hóa đơn bồi thường thiết bị. Thông tin hóa đơn bồi thường gồm tên thiết bị, số lượng, giá tiền. |
| 4 | Lập phiếu đánh giá dịch vụ từ khách hàng | Trong quá trình sử dụng dịch vụ tại khách sạn. Nếu có ý kiến đóng góp, khách có thể trình bày với nhân viên và nhân viên sẽ lập phiếu đánh giá dịch vụ để ghi nhận. Nội dung phiếu gồm tên dịch vụ, mức độ hài lòng (1-5), ý kiến đóng góp. |
| 5 | Tra cứu phòng | Nhân viên có thể tra cứu phòng và tìm phòng thích hợp cho khách |
| 6 | Tra cứu dịch vụ | Nhân viên có thể tra cứu dịch vụ và cung cấp dịch vụ thích hợp cho khách |
| 7 | Lập phiếu sử dụng dịch vụ | Nếu khách có nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhân viên sẽ lập một phiếu sử dụng dịch vụ với nội dung gồm họ tên, tên dịch vụ, số ngày, giá tiền |
| 8 | Đăng nhập | Nhân viên hoặc admin có thể đăng nhập vào hệ thống để sử dụng |
| 9 | Lập danh sách phòng | Admin có thể thêm, cập nhật hoặc xóa các phòng tùy theo thực trạng của khách sạn |
| 10 | Chỉnh sửa danh sách dịch vụ | Admin có thể cập nhật danh sách các dịch vụ mà khách sạn đang cung cấp |
| 11 | Chỉnh sửa danh mục phòng | Admin có thể cập nhật danh mục phòng ở khách sạn |
| 12 | Thay đổi quy định | Admin có thể thay đổi quy định của khách sạn |
| 13 | Lập báo cáo tháng | Sau một tháng, admin có thể lập báo cáo doanh thu hoặc báo cáo mật độ sử dụng phòng |
| 14 | Mở tài khoản cho nhân viên | Admin có thể mở tài khoản cho nhân viên |
| 15 | Khóa tài khoản nhân viên | Admin có thể khóa tài khoản của nhân viên |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case lập phiếu thuê phòng

### Tóm tắt

Lập phiếu thuê phòng cho khách. Thông tin phiếu thuê bao gồm họ tên, loại, cmnd và địa chỉ

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Nhân viên chọn ô đặt phòng trên thanh navbar

3. Nhân viên chọn phòng muốn đặt cho khách trong danh sách phòng được hiện ra

4. Điền đầy đủ thông tin của khách gồm thông tin cá nhân và các số liệu thuê phòng

5. Chọn xác nhận để đặt phòng

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 4, nếu nhân viên nhập thông tin sai hoặc không hợp lệ, hệ thống sẽ yêu cầu nhập lại

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Yêu cầu đặt phòng của khách được ghi nhận thành công lên hệ thống. Phòng vừa đặt phải được chuyển trạng thái sang đã đặt

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case lập hóa đơn

### Tóm tắt

Lập hóa đơn thanh toán cho khách. Thông tin hóa đơn thanh toán gồm phòng, số ngày thuê, đơn giá và tổng tiền

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Chọn vào phòng muốn thanh toán tại danh sách phòng để lập hóa đơn

3. Nhân viên chọn vào nút thanh toán

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 3, nếu nhân viên kiểm tra phòng báo cáo có hư hỏng thiết bị, nhân viên sẽ chọn nút xuất hóa đơn sửa chữa vật chất để tạo thêm 1 hóa đơn

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hóa đơn được tạo thành công và hiển thị lên màn hình

### Điểm mở rộng

Tạo thêm hóa đơn sửa chữa hư hỏng thiết bị nếu khách làm hư hỏng đồ dùng của khách sạn

## Đặc tả Use-case lập hóa đơn bồi thường hư hỏng thiết bị

### Tóm tắt

Nếu trong quá trình thuê phòng, khách làm hư hỏng các thiết bị trong phòng, nhân viên có thể lập hóa đơn bồi thường thiết bị. Thông tin hóa đơn bồi thường gồm tên thiết bị, số lượng, giá tiền.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên chọn vào nút lập hóa đơn sửa chữa trong lúc lập hóa đơn thanh toán tiền phòng

2. Nhập các thông tin hư hỏng như thiết bị, số lượng, …

3. Nhân viên chọn vào nút thanh toán

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hóa đơn sửa chữa được tạo thành công và hiển thị lên màn hình

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case lập phiếu đánh giá dịch vụ từ khách hàng

### Tóm tắt

Trong quá trình sử dụng dịch vụ tại khách sạn. Nếu có ý kiến đóng góp, khách có thể trình bày với nhân viên và nhân viên sẽ lập phiếu đánh giá dịch vụ để ghi nhận. Nội dung phiếu gồm tên dịch vụ, mức độ hài lòng (1-5), ý kiến đóng góp.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Chọn mục đánh giá dịch vụ

3. Nhập các thông tin khách hàng và đánh giá của khách hàng

4. Chọn nút ghi nhận

#### Các dòng sự kiện khác

1. Tại bước 4. Nếu khách hàng đánh giá dịch vụ nhiều hơn 2 lần 1 ngày sẽ không được đánh giá nữa. Lúc này hệ thống sẽ báo lại và không tiếp nhận đánh giá

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống báo ghi nhận đánh giá thành công

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case tra cứu phòng

### Tóm tắt

Nhân viên có thể tra cứu phòng và tìm phòng thích hợp cho khách

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Chọn các bộ lọc phòng để tra cứu. Ví dụ tra cứu theo tầng, phòng còn trống, …

3. Chọn phòng muốn chọn theo danh sách vừa tra

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Hệ thống phải thực hiện tra cứu nhanh chóng do đây là chức năng thường xuyên sử dụng và tránh cho khách phải chờ lâu

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống đưa ra danh sách phòng đúng theo yêu cầu đặt ra

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case tra cứu dịch vụ

### Tóm tắt

Nhân viên có thể tra cứu dịch vụ của khách sạn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Chọn mục dịch vụ trên thanh navbar

3. Nhập tên dịch vụ cần tra cứu

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Hệ thống phải thực hiện tra cứu nhanh chóng do đây là chức năng thường xuyên sử dụng và tránh cho khách phải chờ lâu

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống đưa ra danh sách dịch vụ đúng theo yêu cầu đặt ra

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case lập phiếu sử dụng dịch vụ

### Tóm tắt

Nếu khách có nhu cầu sử dụng dịch vụ, nhân viên sẽ lập một phiếu sử dụng dịch vụ với nội dung gồm họ tên, tên dịch vụ, số ngày, giá tiền

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục dịch vụ

3. Chọn lập phiếu sử dụng dịch vụ

4. Điền đầy đủ thông tin yêu cầu

5. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 4, nếu thông tin nhập không chính xác hệ thống sẽ yêu cầu nhập lại

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

Người đăng nhập phải có tài khoản trên hệ thống và đăng nhập thành công

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống lập và ghi nhận phiếu sử dụng dịch vụ thành công

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case đăng nhập

### Tóm tắt

Khi sử dụng ứng dụng, người dùng phải đăng nhập trước để hệ thống xác định danh tính cũng như vai trò của người dùng là nhân viên hay admin

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Nhân viên truy cập vào hệ thống

2. Nhập các thông tin được yêu cầu bao gồm username và password

3. Bấm nút đăng nhập

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 3, nếu thông tin đăng nhập không chính xác hệ thống sẽ yêu cầu đăng nhập lại

### Các yêu cầu đặc biệt

Phải có tính bảo mật cao, nếu bị người ngoài truy cập vào có thể gây mất mác và sai sót trong dữ liệu khách sạn

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Đăng nhập thành công và chuyển đến trang chủ hệ thống

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case lâp danh sách phòng

### Tóm tắt

Admin có thể cập nhật hoặc xóa các phòng tùy theo thực trạng của khách sạn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quản lí phòng

3. Thêm phòng mới, cập nhật hoặc xóa phòng hiện có.

4. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 3, hệ thống sẽ báo lỗi nếu phòng mới thêm vào có tên đã tồn tại trong hệ thống

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách phòng sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case chỉnh sửa danh sách dịch vụ

### Tóm tắt

Admin có thể cập nhật danh sách các dịch vụ mà khách sạn đang cung cấp

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quản lí dịch vụ

3. Thêm dịch vụ mới, cập nhật hoặc xóa các dịch vụ hiện có.

4. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 3, hệ thống sẽ báo lỗi nếu dịch vụ mới thêm vào có tên đã tồn tại trong hệ thống

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách dịch vụ sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case chỉnh sửa danh mục phòng

### Tóm tắt

Admin có thể cập nhật danh mục phòng ở khách sạn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quản lí danh mục phòng

3. Thêm danh mục phòng mới, cập nhật hoặc xóa danh mục phòng hiện có.

4. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

1. Ở bước 3, hệ thống sẽ báo lỗi nếu danh mục phòng mới thêm vào có tên đã tồn tại trong hệ thống

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách các danh mục phòng sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case chỉnh sửa quy định

### Tóm tắt

Admin có thể thay đổi quy định của khách sạn

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quy định

3. Chỉnh sửa quy định của khách sạn

4. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách các quy định sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case lập báo cáo tháng

### Tóm tắt

Sau một tháng, admin có thể lập báo cáo doanh thu hoặc báo cáo mật độ sử dụng phòng

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục thống kê - báo cáo

3. Chọn tháng muốn xem báo cáo

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống hiển thị báo cáo tháng tương ứng.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case mở tài khoản cho nhân viên

### Tóm tắt

Admin có thể tạo tài khoản cho nhân viên mới

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quản lí tài khoản

3. Bấm nút thêm tài khoản

4. Nhập thông tin tài khoản

5. Bấm nút thêm

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách các tài khoản sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có

## Đặc tả Use-case khóa tài khoản cho nhân viên

### Tóm tắt

Admin có thể khóa tài khoản của nhân viên

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

1. Admin đăng nhập vào hệ thống

2. Vào mục quản lí tài khoản

3. Chọn nút khóa tài khoản ở dòng tương ứng với tài khoản muốn khóa

4. Bấm nút xác nhận

#### Các dòng sự kiện khác

Không có

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Phải có thiết bị có kết nối mạng

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Hệ thống ghi nhận thao tác và danh sách các tài khoản sẽ được cập nhât.

### Điểm mở rộng

Không có